

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2017/ST-HNGĐ

Ngày 03/7/2017

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Trần Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Vũ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phú Thị N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, nguyên đơn –Phú Thị N trình bày:

Chị với anh D xây dựng hôn nhân vào ngày 10/11/2015 âl, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới thì chị về làm dâu bên gia đình chồng, nhưng chồng và gia đình bên chồng quá khó khăn nên chị chỉ sống được 03 tháng thì bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay đã hơn 01 năm. Trong quá trình ly thân thì nghĩ là do không đăng ký kết hôn nên đã đưa ra Ban nhân dân ấp B, xã V, huyện HB giải quyết và cả hai cũng đồng ý ly hôn vào tháng 6/2016. Đồng thời số vàng bên cha mẹ chồng cho thì chị đã cho bên chồng rồi (đã tự giải quyết xong).

Nghĩ là như vậy là đã xong, nhưng anh D lại thường xuyên có những lời nói xúc phạm chị nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Không có

Vợ chồng không nợ ai, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có ý kiến gì khác.

Theo bị đơn - anh Nguyễn Trọng D trình bày:

Anh với chị N xây dựng hôn nhân vào ngày 10/11/2015 âm, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo anh thì vào ngày 02/02/2016 âm thì vợ anh đã về nhà cha mẹ ruột chơi nhưng sau đó thì không trở lại gia đình anh. Kể từ đó, thì anh và chị N ly thân cho đến nay.

Vào ngày 09/7/2016 thì địa phương có đưa ra hòa giải và hai bên cũng đã thống nhất ly hôn.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có

Vợ chồng không nợ ai, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Chị N và anh D đều thống nhất anh chị chung sống với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức hôn lễ theo truyền thống. Đồng thời, anh D và chị N đều thống nhất là có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên đều thống nhất ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị N không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1/ Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thấy rằng: Quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị N và anh D không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân thì cả 02 cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm với nhau và đều cùng có nguyện vọng muốn ly hôn. Đồng thời, chị N và anh D cũng đều thống nhất anh, chị chung sống với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức hôn lễ theo truyền thống. Từ việc chị N và anh D thống nhất thừa nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: việc chị N và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 là có thật. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị N

và anh D không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận chị N và anh D là vợ chồng.

2/ Về con chung: Anh D và chị N không có con chung;

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phú Thị N và anh Nguyễn Trọng D là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: chị Phú Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003479 ngày 10 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

đã ký

LỮ VĂN TUẤN

